

# THỦ MÃ HÓA HÌNH ẢNH TRẮNG TRONG *TRUYỆN KIỀU* CỦA NGUYỄN DU

Trần Thị Bảo Giang<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>*Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam*  
<sup>\*</sup>*Tác giả liên hệ: Email: giangttb@dlu.edu.vn*

## Lịch sử bài báo

Nhận ngày 23 tháng 11 năm 2020 | Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 12 năm 2020  
Xuất bản trực tuyến ngày 16 tháng 4 năm 2021

---

## Tóm tắt

Trong “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du, trắng xuất hiện với tần số cao (63 lần), bằng bạc khắp tác phẩm và ẩn chứa muôn vàn ý nghĩa. Xét ở một góc độ nhất định từ phương diện ký hiệu học, có thể xem từng tầng ý nghĩa của trắng trong “*Truyện Kiều*” như một mã và chúng tôi tạm mã hóa sơ bộ hình ảnh trắng theo hệ thống sau:

Mã 1 – trắng êm ái;

Mã 2 – trắng biến động;

Mã 3 – trắng và bước đi của thời gian.

Từ đó, hình ảnh trắng trong tác phẩm đã phần nào trở thành một hệ thống ký hiệu tự trị với đời sống của riêng nó.

**Từ khóa:** Ký hiệu học; Mã hóa; Nguyễn Du; Trắng; *Truyện Kiều*.

---

---

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.794\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.794(2021))

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2021 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC 4.0

## ENCODING THE IMAGE OF THE MOON ON NGUYEN DU'S *THE TALE OF KIEU*

Tran Thi Bao Giang<sup>a\*</sup>

<sup>a</sup>*The Faculty of Literature and History, Dalat University, Lam Dong, Vietnam*

<sup>\*</sup>*Corresponding author: Email: giangtb@dlu.edu.vn*

### Article history

Received: November 23<sup>rd</sup>, 2020 | Accepted: December 29<sup>th</sup>, 2020

Available online: April 16<sup>th</sup>, 2021

---

### Abstract

*In “The Tale of Kieu” by Nguyen Du, the moon appears 63 times throughout the story and has many meanings. This article is based on the point of view of semiotics to encode the different meanings of the moon in “The Tale of Kieu”, such as:*

*Code 1 – the peaceful moon;*

*Code 2 – the transformation of the moon;*

*Code 3 – the moon and the movement of time.*

*Therefore, the moon in this story gradually becomes an autonomous system of signs with a life of its own.*

**Keywords:** Encode; Moon; Nguyen Du; Semiotics; *The Tale of Kieu*.

---

---

DOI: [http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.794\(2021\)](http://dx.doi.org/10.37569/DalatUniversity.11.2.794(2021))

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2021 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC 4.0

## 1. DẪN NHẬP

*Truyện Kiều* – kiệt tác của Đại thi hào Nguyễn Du – vừa là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, vừa khơi nguồn cảm hứng vô tận cho bao thế hệ học giả trong và ngoài nước. Nối tiếp những mạch nguồn tư duy của bao bậc tiền bối đã dày công nghiên cứu về *Truyện Kiều*, chúng tôi xin mạo muội đặt vấn đề *Thử mã hóa hình ảnh trăng trong Truyện Kiều của Nguyễn Du* với một vài ý kiến nhỏ liên quan để hòa chung vào bầu khí kỷ niệm 200 năm ngày mất của Nguyễn Du – danh nhân văn hóa của đất nước.

Trăng là yếu tố không mấy xa lạ trong văn học từ cổ chí kim. Trăng như một người bạn để văn sỹ, thi nhân giải bày tâm sự, có khi trăng là cái cớ cho họ trải lòng hay trăng còn là một kiểu phương tiện độc đáo để chuyên chở những thông điệp về quan niệm nghệ thuật, quan niệm sáng tác của người nghệ sỹ ngôn từ... Với *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, trăng xuất hiện với tần số cao (63 lần), bàng bạc khắp tác phẩm và ẩn chứa muôn vàn ý nghĩa. Xét ở một góc độ nhất định từ phương diện ký hiệu học, có thể xem từng tầng ý nghĩa của trăng trong *Truyện Kiều* như các loại mã (code) và chúng tôi tạm mã hóa sơ bộ hình ảnh trăng từng hệ thống cụ thể.

## 2. MÃ HÓA HÌNH ẢNH TRĂNG

### 2.1. Mã 1 – trăng êm ả

Có thể thấy, từ xa xưa, trong tâm thức con người, trăng đã gắn liền với vẻ lung linh, huyền ảo của vũ trụ. Với *Kojiki* (古事記 – *Cổ sự ký*) – ghi chép biên niên cổ nhất còn sót lại từ triều đại Nara (710-794) của Nhật Bản, cũng được xem là tác phẩm đánh dấu sự xuất hiện của văn học ở đất nước này – trăng hay đúng hơn là thần Mặt trăng Tsuki-yomi được sinh ra khi thần Izanagi rửa con mắt bên phải của mình tại sông Woto. Đến thời kỳ Heian (794-1192), *Chuyện ông lão đốn tre* (竹取物語 *Taketori Monogatari*), hay còn được biết đến với tên *Nàng tiên trong ống tre*, *Công chúa Kaguya* (かぐや姫 *Kaguya-hime*) – câu chuyện cổ tích cổ xưa nhất ở Nhật Bản – đã không chỉ dẫn dắt tâm hồn con người vào cõi kỳ bí, diệu vợi với hành trình của cô công chúa đến từ cung trăng được đầu thai xuống hạ giới mà tác phẩm còn khơi gợi bao cảm hứng thú vị và bất tận cho hậu thế.

Với *Truyện Kiều* – tác phẩm mà chắc hẳn bất cứ người dân Việt Nam nào cũng ít nhiều biết đến và trân trọng – của Nguyễn Du, không khó để độc giả bắt gặp những hình ảnh trăng với màu sắc độc đáo, tinh tạo sự huyền ảo của vũ trụ, vẻ diệu vợi của thiên nhiên, kiểu như:

*Dưới trăng, quỳn đã gọi hè,* (1307)<sup>1</sup>

*Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông* (1308)

<sup>1</sup> Để phù hợp với đặc thù thể loại, phần văn liệu từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (1972), chúng tôi không trích dẫn theo số trang trong tác phẩm mà chọn trích dẫn theo số thứ tự của câu thơ.

Hay:

*Chim hôm thoi thót về rừng,* (1091)

*Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành* (1092)

Không chỉ có vậy, trăng trong *Truyện Kiều* còn tượng trưng cho sự viên mãn, tròn đầy hay khung cảnh yên bình, thanh nhàn, sum họp.

Có lẽ, trong số các nhân vật của *Truyện Kiều* thì Thúy Vân là nhân vật được tác giả Nguyễn Du nhắc đến với tần số thấp, đồng thời cũng là nhân vật “xa lạ” với những biến cố, sóng gió của cuộc đời, với sự xoay vần, vùi dập của tạo hóa. Thúy Vân – một định phận đã an bài được tác giả mô tả chân dung bằng hình ảnh ẩn dụ: “khuôn trăng” gợi sự tròn trịa, đủ đầy:

*Vân xem trang trọng khác vời,* (19)

*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.* (20)

Nếu xét ở góc độ cái biểu đạt (signifiant) và cái được biểu đạt (signifié) thì ở trường hợp này, trong một khía cạnh nhất định, trăng như đã được chuyển hóa thành một dạng hình hiệu (icon) cho sự phẳng lặng, vô ưu của cuộc đời một con người.

Khi chỉ thuần túy là khung cảnh thiên nhiên, trăng được tác giả Nguyễn Du gắn với biểu tượng của khung cảnh yên bình, thanh nhàn, sum họp:

- Trăng yên bình:

*Sinh rặng: Gió mát trăng trong,* (455)

*Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam.* (456)

- Trăng thanh nhàn:

*Lần thâu gió mát trăng thanh.* (2165)

*Bồng đâu có khách biên đình sang chơi.* (2166)

- Trăng sum họp:

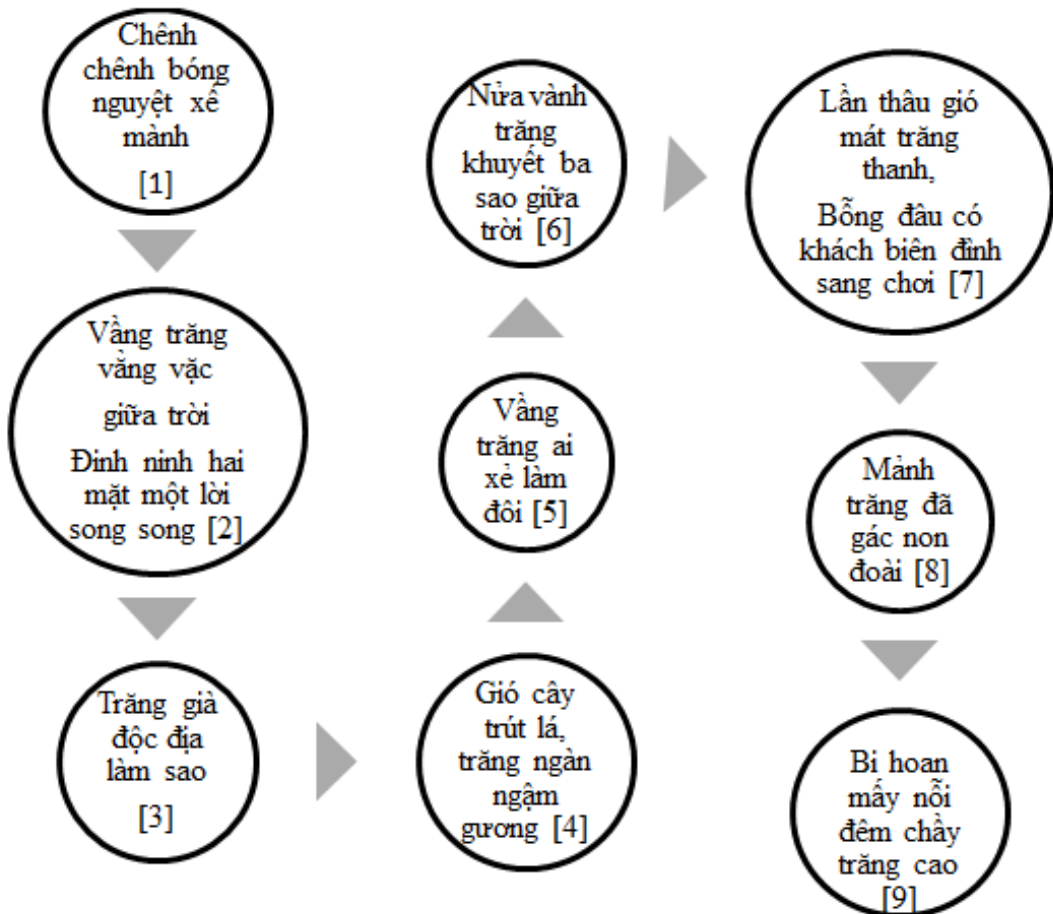
*Khi chén rượu khi cuộc cờ* (3223)

*Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên* (3224)

Tuy vậy, khảo sát toàn bộ *Truyện Kiều*, có thể thấy hình tượng trăng gắn với Mã 1 không nhiều, nếu như không muốn nói là hết sức hiếm hoi mà đa phần hình tượng trăng chứa chất đầy biến động, sóng gió hết như cuộc đời nàng Kiều vậy.

## 2.2. Mã 2 – trăng biến động

Tác giả Nguyễn Du sống trọn cuộc đời văn nhân trong bầu khí quyền trung đại, thấm đẫm những ảnh hưởng từ Nho giáo. Có thể thấy quan niệm của Nho giáo về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với vũ trụ được thể hiện rõ nét trong các sáng tác của Nguyễn Du nói chung, trong *Truyện Kiều* nói riêng. Cụ thể hơn, Nho giáo quan niệm mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với vũ trụ, không phải là mối quan hệ giữa chủ thể với khách thể mà gần như là mối quan hệ cùng loại, con người được xem như một sinh thể của vũ trụ và cùng tồn tại hài hoà trong vũ trụ ấy. Không chỉ có vậy, mỗi con người còn là một tiểu vũ trụ, đóng vai trò liên kết Trời, Đất: “*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất*” (Trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một – Trang tử, *Nam hoa kinh*). Các nhà Nho quan niệm về Trời, Đất và Người theo thuyết *Nhân loại trung tâm luận* – đồng hóa con người vào thiên nhiên, vào vũ trụ hay thuyết *Tam tài* cũng quan niệm có ba yếu tố cùng hài hòa tồn tại: Trời, Đất và Người, trong đó con người chiếm vị trí trung tâm (tiểu Thiên và Địa), tạo thành tính chỉnh thể cho vũ trụ. Từ đó, phù hợp với vũ trụ quan vạn vật nhất thể, trong *Truyện Kiều*, trăng luôn gắn liền với từng phân đoạn trong toàn bộ thước phim về cuộc đời 15 năm chìm nổi của Thúy Kiều. Chúng tôi tạm sơ đồ hóa những phân đoạn ấy cụ thể như sau:



Hình 1. Trăng gắn liền với những biến cố trong cuộc đời nàng Kiều

Dựa vào sơ đồ trên, có thể thấy:

[1] Bóng trăng xế như dự báo số phận nàng Kiều: trong số đoạn trường có tên (cảnh Kiều viếng mộ Đạm Tiên)

*Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,* (185)

*Tựa nương bên triện một mình thiu thiu.* (186)

[2] Những thề nguyện, hẹn ước của mối tình Kim-Kiều có vàng trắng tỏa rạng làm chứng:

*Vàng trắng vàng vạc giữa trời,* (449)

*Đinh ninh hai mặt một lời song song* (450)

[3] Biền cố ập đến với gia đình họ Vương, Thúy Kiều phải bán mình chuộc cha, rơi vào tay bọn buôn người, trước là Mã Giám Sinh, sau là Tú Bà:

*Trăng già độc địa làm sao ?* (687)

*Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên.* (688)

*Trong tay đã sẵn đồng tiền,* (689)

*Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì!* (690)

[4] Vương vào sự lừa dối của tên họ Sở, Thúy Kiều đành cam chịu sự nhục nhã, ê chề:

*Đêm thâu khắc lậu canh tàn,* (1119)

*Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.* (1120)

[5] Cuộc gặp gỡ với Thúc Sinh như một phút giây phẳng lặng trong cuộc đời vốn đầy sóng gió của Thúy Kiều:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi,* (1525)

*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.* (1526)

[6] Khung cảnh lạnh lẽo, u tịch cùng vàng trăng khuyết nhạt nhòa như được chọn làm bối cảnh để mở đầu phân đoạn Thúy Kiều bị Hoạn Thư đánh ghen:

*Đêm thu gió lọt song đào,* (1623)

*Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời.* (1624)

[7] Ánh trăng thanh như hòa nhịp cùng khoảnh khắc yên bình hiếm hoi trong chuỗi thời gian đầy gian truân của cuộc đời Thúy Kiều: gặp và kết đôi cùng Từ Hải

*Lân thâu gió mát trăng thanh,* (2165)

*Bồng đầu có khách biên đình sang chơi,* (2166)

[8] Báo ân báo oán, yên bình không được bao lâu, Thúy Kiều lại rơi tiếp vào phân đoạn bi ai khác: sau cái chết nghiệt ngã của Từ Hải, chịu bao nhục nhã khi rơi vào tay Hồ Tôn Hiến, Thúy Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường tự vẫn, mong thoát được những khổ ải của cuộc đời.

*Mảnh trăng đã gác non đòai,* (2617)

*Một mình luống những đứng ngòì chưa xong.* (2618)

*Triều đầu nổi tiếng ðùng ðùng,* (2619)

*Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền ðường.* (2620)

[9] Trăng có mặt trong khúc sum vầy:

*Tình duyên ấy hợp tan này,* (3139)

*Bi hoan mấy nổi ðêm chầy trăng cao.* (3140)

Tiếp cận với *Truyện Kiều*, ðộc giả còn có thể thấy tác giả Nguyễn Du miêu tả hình ảnh trăng với rất nhiều nét vẽ ðộc ðáo, linh hoạt, biến ảo. Trăng lúc thì “*chênh chéch*”, lúc lại “*chênh chênh*”; khi là “*bóng nguyệt xế màn*”, khi là “*nhật thua gương rọi ðầu cành*”; có trăng “*vằng vặc*”, có “*nguyệt sáng, gương trong*”, có “*tuần trăng khuyét*”, có cả “*trăng nửa vành*” hay trăng “*xé làm ðôi*”, “*mảnh trăng*”; rồi “*trăng trong*”, “*trăng thanh*”, “*trăng thê*”, “*trăng già*”, “*trăng ngàn*”, “*trăng thê*”, “*trăng thâu*”, “*trăng tà*”, “*trăng bạc*”, “*trăng cao*”, “*trăng gần*”... Trong ðó, hình dáng, ðộ chiếu sáng của trăng như gắn liền với những thăng, giáng trong cuộc đời nàng Kiều. Những “*trăng thanh*”, “*nguyệt sáng gương trong*”, “*trăng vằng vặc*”, “*trăng trong*” chính là kiêu ký hiệu cho những khoảnh khắc yên bình, hay chỉ ít là cũng tạm bớt ði bao sóng gió, tủi nhục của thân phận ðoạn trường Thúy Kiều. Còn lại, những “*trăng khuyét*”, “*bóng nguyệt xế màn*”, “*mảnh trăng*”, “*trăng tà*”... là ký hiệu của những biến cố, những nghịch cảnh, những oan trái, ðọa ðày mà Thúy Kiều phải gánh chịu và những kiêu ký hiệu này xuất hiện với tần số lớn, thậm chí có khi là ðày ðặc trong suốt 15 năm lưu lạc của nàng.

Thêm vào ðó, trăng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không chỉ ðơn thuần ðược dùng ðể diễn tả tâm trạng của nhân vật (theo kiêu “*Người buồn cảnh có vui ðâu bao giờ*”) mà trăng còn ðóng vai trò chuyên chở ý nghĩa và bao hàm cả tiềm năng tạo nghĩa (tính năng sản: productivity). Chẳng hạn như trong ðoạn:

*Cát mình qua ngọn tường hoa,* (2027)

*Lần ðường theo bóng trăng tà về tây.* (2028)

*Mịt mù ðậm cát ðôi cây,* (2029)

*Tiếng gà ðiểm nguyệt, ðấu giày cầu sưng.* (2030)

Ðộc giả có thể gắn liền hình tượng trăng với những tầng ý nghĩa sau:

- Bóng trăng tà
- Gọi ánh sáng yếu ớt, nhỏ nhoi;
  - Mang đến dự cảm xấu cho cuộc đời Thúy Kiều;
  - Dõi theo từng bước chân thoát thân của Thúy Kiều;
  - Dẫn nhạt nhòa nhưng trăng cũng đủ để đồng hành cùng nhân vật;
  - Làm nổi bật thân phận chìm nổi, gian truân của Thúy Kiều;
  - Thể hiện sự quạnh quẽ, đơn độc, chông chênh...

Nếu xét quá trình biểu đạt ý nghĩa của một từ hoặc một cụm từ thì ở đây, nội hàm (denotation) của “*bóng trăng tà*” chỉ đơn thuần là những gì gắn liền với ánh sáng của mặt trăng trong vũ trụ và ngoại hàm (connotation) của nó – đại diện cho một sự ăn khớp (gearing up) từ nội hàm gồm những tầng ý nghĩa khác nhau, tùy thuộc vào văn cảnh và quan trọng hơn là tùy thuộc vào tầm đón nhận của độc giả.

Ngoài ra, ngôn ngữ, thông thường có thuộc tính âm thanh và tạo ra hình ảnh thị giác khi nó được viết ra hoặc được thể hiện dưới hình thức in ấn. Trong *Truyện Kiều*, với từng mức độ chiếu sáng của ánh trăng được tác giả Nguyễn Du phác họa kiều: “*chênh chênh bóng nguyệt xế màn*”, “*vàng trắng vàng vặc giữa trời*”, “*bóng trăng đã xế hoa lê lại gần*”, “*lần đường theo bóng trăng tà về tây*”... thì có thể thấy những hình ảnh thị giác mà ngôn ngữ tạo ra hoàn toàn tương hợp với đặc tính “thi trung hữu họa” của văn học Việt Nam thời trung đại.

### 2.3. Mã 3 – trăng và bước đi của thời gian

Trăng trong *Truyện Kiều* có lúc được tác giả Nguyễn Du dùng như một đại lượng chỉ thời gian và có thể thấy, ở khía cạnh này, trăng cũng biến ảo linh hoạt, khôn lường.

Ngán thì là một đêm trăng:

*Lần lần ngày gió đêm trăng* (369)

*Thưa hồng rậm lục đã chùng xuân qua.* (370)

Dài thì là tuần trăng hoặc mấy tuần trăng:

*Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,* (251)

*Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.* (252)

hay

*Nhẫn từ quán khách lân la,* (287)

*Tuần trăng thám thoát nay đà thêm hai.* (288)



Và lâu hơn nữa là mùa trăng hay mấy mùa trăng:

*Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,* (1595)

*Một niềm quan tái, mấy mùa gió trăng.* (1596)

Có khi trăng lại được dùng để thể hiện thời khắc của từng mùa trong năm, chẳng hạn như:

**Bảng 1. Trăng gắn liền với dấu hiệu của thời gian**

Thời gian cụ thể	Trăng gắn với thời khắc của từng mùa
Mùa xuân	<i>Hải đường là ngọn đông lân,</i> (175)
	<i>Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà.</i> (176)
	<i>Một mình lặng ngắm bóng nga,</i> (177)
	<i>Rộn đường gần với nổi xa bời bời...</i> (178)
Mùa hè	<i>Dưới trăng quỳn đã gọi hè,</i> (1307)
	<i>Đầu tường lửa lập lòe đóm bóng...</i> (1308)
Mùa thu	<i>Vi lô san sát hơi may,</i> (913)
	<i>Một trời thu để riêng ai một người.</i> (914)
	<i>Dặm khuya ngát tạnh mù khơi,</i> (915)
	<i>Thấy trăng mà thẹn những lời non song...</i> (916)
...	

Có khi ánh trăng hiện tại đóng vai trò như một tác nhân đưa Thúy Kiều chìm đắm vào ánh trăng của miền ký ức xa xôi, ở đó có những mộng dệt thề nguyện yêu thương, có những người thân yêu ngày đêm khắc khoải mong ngóng:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,* (1039)

*Tin sương luống những rày trông mai chờ* (1040)

Và, trăng đã góp phần thay đổi thời gian nghệ thuật của tác phẩm: từ thời gian tuyến tính – vốn khá phổ biến trong văn học trung đại – thành thời gian gợi nhớ, thời gian ký ức.

### 3. THAY LỜI KẾT

Nghiên cứu nghệ thuật như một hệ thống ký hiệu là một lĩnh vực khá đặc biệt và đầy thú vị, bởi lẽ:

Sáng tạo nghệ thuật hấp dẫn chúng ta bởi sức mạnh tác động thẩm mỹ của nó nhưng có thể nghiên cứu sáng tạo nghệ thuật từ một phương diện khác, ít quen thuộc hơn: tác phẩm nghệ thuật là phương thức tổ chức cực kỳ tiết kiệm, hàm súc, thuận tiện cho việc lưu trữ và truyền đạt thông tin... nếu chúng ta biết được tất cả các bí mật cấu trúc của văn bản nghệ thuật, chúng ta có thể sử dụng các bí

mật ấy để giải quyết một trong những vấn đề bức thiết nhất của khoa học hiện đại, ấy là nén thông tin (Iu, 2015).

Thử mã hóa hình ảnh trăng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng tôi nhận thấy hình ảnh trăng có nội hàm ý nghĩa rất phong phú. Không chỉ đơn thuần: nếu “ánh nắng buổi chiều là cái nhìn ra không gian” thì “ánh trăng khuya là cái nhìn vào nội giới. Hai tia sáng hội tụ vào ý thức giúp Kiều nhận định rõ chân tướng của định mệnh” (Trịnh, 2000) mà trăng – cái biểu đạt (hay còn được hiểu là hình thức của ký hiệu) – dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du, đã mang đến cho độc giả sự cảm thụ rất nhiều dạng thể khác nhau của cái được biểu đạt (hay nội dung của ký hiệu). Và trong một chừng mực nhất định, khi được kích hoạt đúng cách, hình ảnh trăng đã phần nào trở thành một hệ thống ký hiệu tự trị (autonomous), với một đời sống của riêng nó – thiết nghĩ đây cũng là một trong những căn tính nghệ thuật thiết yếu của văn chương nói chung.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Iu, M. L. (2015). *Ký hiệu học văn hóa* (N. Lã, P. H. Đỗ, & S. Đ. Trần, Dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, D. (1972). *Truyện Kiều* (G. H. Hà, & G. T. Nguyễn, Biên tập). NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
- Trịnh, Đ. B. (2000). *Bình giải Truyện Kiều*. NXB Văn học.